

PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY GD ĐỊA PHƯƠNG NĂM HỌC 2026 - 2027

STT	Họ và tên	Tổ/ Môn dạy	Dạy các lớp		
			Khối 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Nguyễn Thị Lành	Sinh-CNNN	10A2, 3, 5, 6		
2	Đinh Thị Ngọc	Sinh-CNNN			12A1, 2, 9
3	Nguyễn Thị Tâm	Sinh-CNNN			12A5 - 7
4	Lê Thị Kim Anh	Sinh-CNNN	10A12 - 15		
5	Nguyễn Thị Quế Châu	Sinh-CNNN	10A9 - 11		
6	Nguyễn Mạnh Cường	Sinh-CNNN			12A3, 4, 8
7	Phạm Thị Hải Yến	Sinh-CNNN	10A1, 16 - 18		
8	Kiều Thị Hương	Sinh-CNNN	10A4, 7, 8		
9	Nguyễn Thị Thành	Sinh-CNNN			12A10 - 12
10	Nguyễn Thị Nhân	Ngữ văn		11A1 - 4	
11	Phạm Thị Mai	Ngữ văn	10A5 - 8		
12	Lê Thị Linh Chi	Ngữ văn			12A9 - 12
13	Hoàng Thị Hường	Ngữ văn			12A6 - 8
14	Nguyễn Thị Quỳnh My	Ngữ văn			12A1 - 5
15	Trần Thị Minh Huệ	Ngữ văn	10A1 - 4		
16	Đinh Thị Kim Phụng	Ngữ văn		11A5 - 8	
17	Nguyễn Thị Kiều Minh	Ngữ văn	10A9 - 11		
18	Lê Thị Thùy Dương	Ngữ văn		11A9 - 12	
19	Lê Thị Nga	Ngữ văn	10A12 - 18		
20	Nguyễn Văn Hải	Sử-KTPL			12A1, 6, 8, 9
21	Võ Hữu Lộc	Sử-KTPL			12A4, 7
22	Bùi Xuân Tươi	Sử-KTPL	10A1 - 6		
23	Trần Thị Kim Nhung	Sử-KTPL		11A10 - 12	12A2, 3, 5
24	Nguyễn Thị An	Sử-QPAN	10A9 - 18	11A1 - 9	
25	Nguyễn Thị Phương Nhung	Sử-KTPL			12A7 - 12
26	Vũ Thị Sơn	Sử-KTPL			
27	Trần Thị Nhi	Sử-KTPL		11A1 - 12	
28	Cao Thị Thúy Loan	Sử-KTPL			
29	Hồ Thị Tuyết	KTPL-QPAN			12A1 - 6
30	Bùi Văn Tiến	Địa-MT-AN	10A1-4 (CD3), 10A1 - 18 (CD6)		
31	Lò Như Thảo	Địa-MT-AN	10A13- 18 (CD3)	11A1 - 12 (CD5)	
32	H'Ner Bkrông	Địa-MT-AN	10A5-8 (CD3)	11A1 - 12 (CD3)	12A1 - 6 (CD3)
33	Nguyễn Nguyên Thương	Địa-MT-AN	10A9-12 (CD3)	11A1 - 12 (CD4)	12A7 - 12 (CD3)
34	Ngô Tiến Sỹ	Địa-MT-AN			12A1- 12 (CD MT)
35	Trần Thanh Ngọc Quý	Địa-MT-AN	10A1 - 18 (CD6 AN)	10A1 - 18 (CD6 AN)	12A1- 12 (CD AN)

HIỆU TRƯỞNG